

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **(Năm tài chính 2010)**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG



I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung trước đây là Công ty Kim khí Miền Trung, Doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên Tổng Công ty Thép Việt Nam, được chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3088/QĐ-BCN ngày 30/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (*nay là Bộ Công thương*). Công ty cổ phần bắt đầu đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2006;

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 27/01/2011;

- Ngày 10/8/2009, cổ phiếu Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM;

- Ngày 15/12/2010, cổ phiếu Công ty được chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán “KMT”;

2. Quá trình phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí, sắt thép, vật tư thứ liệu, phế liệu kim loại; vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng; Sản xuất thép xây dựng các loại; gia công, sản xuất các sản phẩm kim loại và phế liệu kim loại; Đầu tư, kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê và chung cư cao tầng; kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi; Đại lý tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Tình hình hoạt động: Sau khi cổ phần hoá, hoạt động Công ty phát triển ổn định, tình hình tài chính đã cải thiện đáng kể, công tác quản trị doanh nghiệp từng bước được nâng cao. Từ năm 2009, Công ty tập trung chủ yếu cho hoạt động kinh doanh sắt thép và góp vốn đầu tư vào các Công ty có sản xuất thép như: Công ty Cổ phần Thép Miền Trung, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Ngoài ra, với các cơ sở đất đai đã tích lũy được trong thời gian qua,

Công ty sẽ đầu tư khai thác các dự án bất động sản trên một số diện tích đất đai hiện có lợi thế.

Trong những năm qua, nhờ sự lãnh đạo của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự cố gắng của tập thể cán bộ nhân viên, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả tương đối khả quan, thể hiện ở các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
- Doanh thu (tr.đ):	929.603	1.183.232	1.368.152	925.163	1.190.443
- Lãi tr/thuế (tr.đ):	4.557	11.292	24.806	10.110	20.359
- Cổ tức (%):	5%	10%	13%	11%	11%
- Thu nhập (tr.đ/tháng):	2,29	3,0	4,8	4,5	6,1

3. Định hướng phát triển trong năm 2011 và những năm tiếp theo:

- Mục tiêu chiến lược của Công ty: từng bước xây dựng Công ty trở thành một trong những Nhà phân phối hàng đầu tại Việt Nam về mặt hàng thép xây dựng, phôi thép và thép phế liệu;

- Kế hoạch đầu tư trung và dài hạn: Tập trung nghiên cứu và triển khai các dự án bất động sản trên cơ sở khai thác lợi thế quỹ đất hiện có của Công ty.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những đánh giá tổng quát về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2010:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 16/4/2010, HĐQT đã triển khai chương trình, nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2010 trong điều kiện tình hình thị trường trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, thị trường tài chính tiền tệ bất ổn dễ gặp rủi ro, lãi suất biến động tăng...

Năm 2010, nhờ nắm bắt được cơ hội và dự báo được xu hướng biến động của thị trường thép ở một số thời điểm quan trọng, nên công tác tổ chức kinh doanh đã mang lại hiệu quả. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt hoành hành tại các Tỉnh phía Bắc, Nam Trung bộ và Tây Nguyên vào cuối quý III và những tháng đầu quý IV/2010 nên khối lượng tiêu thụ thép có sụt giảm so với kế hoạch 2010.

Nhìn chung trong năm 2010, tuy thị trường thép trong nước và thế giới diễn biến phức tạp và khó dự đoán, nhưng với sự nỗ lực, nhạy bén của Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên, Công ty đã triển khai tổ chức kinh doanh có hiệu quả, thể hiện ở các chỉ tiêu chính như sau :

- Doanh thu: 1.190,443 tỷ đồng/1.142 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch;
- Lợi nhuận: 20,359 tỷ đồng/14 tỷ đồng, đạt 145% kế hoạch;
- Cổ tức đề nghị: 11%/10%, đạt 110% kế hoạch;
- Thu nhập bình quân: 6,1 triệu đồng/người/tháng.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm :

- Góp thêm 18 tỷ đồng để thực hiện việc tăng vốn Điều lệ tại Công ty Cổ phần Thép Miền Trung nhằm giữ tỷ lệ 30% như cơ cấu ban đầu (*tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng*);

- Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vào ngày 15/12/2010 với mã chứng khoán “KMT”;

- Thành lập Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 2267/QĐ-KKMT ngày 23/12/2010 của HĐQT Công ty, bắt đầu đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2011.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Mở rộng kinh doanh mặt hàng thép các loại (*đa dạng hoá mặt hàng, bên cạnh việc kinh doanh sản phẩm thép xây dựng truyền thống*) và mở rộng thêm các mạng lưới Chi nhánh trực thuộc để cung cấp thép cho các thị trường khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ; Nghiên cứu đầu tư các cơ sở hạ tầng hiện có của công ty như dự án cao ốc CEVIMETAL tại Đà Nẵng; Kho 1,1 ha tại Hòa Phước; văn phòng và showroom giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk...

5/ Những công việc chưa hoàn thành:

Công tác nghiên cứu đầu tư dự án cao ốc CEVIMETAL chưa hoàn thành do tình hình thị trường tài chính, tình hình vĩ mô còn bất ổn nên cần phải có thời gian khảo sát, nghiên cứu kỹ.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước 2009	Kỳ báo cáo 2010
I	Cơ cấu tài sản	%		
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	“	20,82	16,50
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	“	79,18	83,50
II	Cơ cấu nguồn vốn	%		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	“	57,76	72,35
2	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	“	42,24	27,65
III	Khả năng thanh toán	lần		
1	Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tiền # tiền/Nợ ngắn hạn</i>)	“	0,10	0,05
2	Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	“	1,38	1,15
IV	Tỷ suất lợi nhuận	%		
1	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	“	2,87	3,43
2	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	“	0,82	1,30
3	Tỷ suất LNST/Nguồn vốn CSH	“	6,80	12,39

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

+ Về cơ cấu tài sản: Đối với một doanh nghiệp thương mại thì cơ cấu tài sản như trên là tương đối hợp lý. Năm 2010, hệ số nợ phải trả tăng cao do qui mô hoạt động của Công ty tăng trên 70% (tổng tài sản năm 2010 tăng 71% so với năm 2009). Về khả năng thanh toán hiện hành, có giảm một phần do nợ ngắn hạn cuối kỳ tăng cao (nợ vay ngắn hạn tăng do phải mua hàng dự trữ);

+ Về đánh giá khả năng sinh lời: năm 2010 việc khai thác lợi nhuận của Công ty có phần khả quan do dự báo tốt xu hướng thị trường và nắm bắt được các cơ hội kinh doanh, đồng thời đã triển khai tốt các kế hoạch bán hàng đã đề ra.

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

+ Việc điều chỉnh chính sách tài chính, tín dụng của Ngân hàng Nhà nước làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, và có thời điểm tỷ giá ngoại tệ (USD) biến động mạnh đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh đối với các lô hàng nhập khẩu. Đặc biệt lãi suất vay quá cao đã làm giảm đáng kể lợi nhuận năm 2010;

+ Giá cả thị trường thép thế giới tăng giảm thất thường đã tác động đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty;

+ Tình hình mưa bão, lũ lụt nặng tại các Tỉnh phía Bắc, Nam Trung bộ và Tây Nguyên vào cuối quý III và đầu quý IV/2010 đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

+ Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2010: 125.251.668.196 đồng;

+ Vốn góp của Cổ đông : 98.465.620.000 đồng;

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.846.562 cp;

+ Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu : 12.720 đồng/cp.

- Những thay đổi về vốn cổ đông: trong năm, tăng vốn góp của Cổ đông từ 88.708.850.000 đồng lên 98.465.620.000 đồng (do thực hiện trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 16/4/2010);

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại đang lưu hành: 9.846.562 cổ phiếu.

Trong đó:

+ Cổ phiếu thường: 9.846.562 cổ phiếu;

+ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu;

- Cổ tức: 11%

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:

Doanh thu năm 2010 thực hiện 1.190,443/1.142 tỷ đồng, đạt 104% KH và bằng 128,7% so cùng kỳ năm 2009; lợi nhuận thực hiện 20,359/14 tỷ đồng, đạt 145% KH và bằng 201,4% so cùng kỳ năm 2009; tổng lượng bán ra trong năm 2010 là 99.961/110.500 tấn, đạt 90% KH và bằng 106,4% so cùng kỳ năm 2009

(trong đó thép nội 81.401 tấn, đạt 95% KH và bằng 110,9% so cùng kỳ năm 2009).

Như vậy, so với kế hoạch năm 2010, Công ty đạt và vượt mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận nhưng không đạt mục tiêu về lượng tiêu thụ. Nguyên nhân như đã nêu ở các phần trên.

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch Năm 2010	Thực hiện năm 2010	% so với KH
01	Doanh thu bán hàng và CCDV	1.142.000.000	1.190.494.548	
02	Doanh thu thuần BH và CCDV		1.190.443.120	104
03	Giá vốn hàng bán		1.117.769.044	
04	Lợi nhuận gộp		72.674.076	
05	Doanh thu hoạt động tài chính		1.858.414	
06	Chi phí tài chính		14.307.145	
07	Chi phí bán hàng		34.270.465	
08	Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.144.690	
09	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh		19.810.190	
10	Thu nhập khác		1.080.235	
11	Chi phí khác		531.847	
12	Tổng LN kế toán trước thuế	14.000.000	20.358.578	145
13	Chi phí thuế TNDN		4.838.693	
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.519.885	
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.576	
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (*)		1.100	

Ghi chú: (*) Cổ tức năm 2010 là tỷ lệ trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo kết quả đầu tư :

Việc triển khai kế hoạch đầu tư của Công ty trong năm qua chủ yếu ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án đáp ứng cho nhu cầu về cơ sở kinh doanh và kho hàng của Công ty.

3.1 Giá trị thực hiện trong năm 2010: (Đơn vị tính: triệu đồng)

Số T T	Danh mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Danh mục các dự án đầu tư			
1.1	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2009 sang và quyết toán trong năm 2010			
	- Đầu tư xe cầu 16 tấn		1.516,9	
	- Kho Miếu Bông - Cẩm Lệ		1.570,8	
	- Văn phòng Xí nghiệp KDKK số 9		208,47	
1.2	Đã thực hiện và quyết toán trong năm 2010			

	- Đầu tư xe ô tô 7 chỗ ngồi	1.000	766,39	
	- Góp vốn đầu tư tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thép Miền Trung theo tỷ lệ 30%	18.000	18.000	Quyết định số 2314/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 30/12/2010
1.3	<i>Đang triển khai nhưng chưa hoàn thành và chuyển tiếp sang năm 2011</i>			
	- Dự án ứng dụng công nghệ thông tin	300	74	Giá trị tạm ứng theo % khối lượng thực hiện
	- Dự án kho 1,1 ha Hòa Phước	3.000	1.795	
	- Dự án kho 1,5 ha Hòa Phước	3.000	0	
1.4	<i>Các dự án chưa triển khai</i>			
1.4.1	Cơ sở kinh doanh các đơn vị trực thuộc			
	- Tại Đà Nẵng	5.000	0	Chưa tìm kiếm được mặt bằng phù hợp
	- Tại Thành phố Hồ Chí Minh	4.500	0	
1.4.2	Dự án kho hàng phía Nam	1.000	0	
1.4.3	Dự án toà nhà Cevimetal – TP Đà Nẵng	1.000	0	
1.4.4	Xây dựng chiến lược phát triển Công ty	400	0	
	Tổng cộng	37.200	23.931	

3.2 Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:

3.2.1 Đầu tư các kho hàng:

- Hoàn thành cơ bản giai đoạn I dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật kho 1,1 ha Hoà Phước, TP Đà Nẵng.

- Đang triển khai thực hiện các thủ tục thuê dài hạn khu đất 1,5 ha để xây dựng kho sắt thép của Công ty tại Hoà Phước với mục tiêu thuê được đất sạch (theo đó các chi phí liên quan đến đền bù giải toả, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư... do UBND Thành phố Đà Nẵng chi trả).

3.2.2 Cơ sở kinh doanh cho các Đơn vị trực thuộc:

- Hiện nay, Công ty còn 10 Đơn vị trực thuộc đang sử dụng mặt bằng thuê để làm văn phòng giao dịch. Mặc dầu Công ty đã tích cực giao dịch, tìm kiếm mặt bằng để đầu tư nhưng chưa tìm được mặt bằng phù hợp về vị trí, giá trị, diện tích (tối thiểu 300 – 500 m²)... để thực hiện mua bán/hoán đổi nhằm đầu tư cơ sở kinh doanh cho các Đơn vị.

3.2.3 Các công việc khác:

- Công ty góp thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu là 18 tỷ đồng (nhằm giữ tỷ lệ vốn góp 30%) vào Công ty Cổ phần Thép Miền Trung để thực hiện dự án đầu tư dây chuyền cán thép công suất 250.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Hoà Khánh;

- Đang triển khai thực hiện Dự án ứng dụng công nghệ thông tin và lắp đặt phần mềm quản lý Kế toán - Kinh doanh tại Công ty (Hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ phần mềm Đà Nẵng – Softech);

- Đầu tư 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi (TOYOTA FORTUNER G – 2.5L) thay thế xe MUSSO cũ được bàn giao cho Chi nhánh Đắk Lắk tiếp tục sử dụng nhằm khai thác các công trình trọng điểm tại khu vực Tây Nguyên;

- UBND Tỉnh Đắk Lắk đã đồng ý chủ trương v/v thỏa thuận địa điểm xây dựng văn phòng làm việc và showroom giới thiệu sản phẩm của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung với diện tích 3.200 m² (văn bản số 224/UBND-CN ngày 17/01/2011). Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước để ký hợp đồng thuê đất dài hạn và đầu tư cơ sở hạ tầng tại địa điểm này.

4. Những công việc chưa hoàn thành:

Trong năm 2010, ngoài những nội dung công việc đã đạt được như báo cáo đã nêu, còn một số mặt chưa làm được, đó là:

- Khối lượng tiêu thụ thép nội toàn Công ty chưa đạt so với kế hoạch đề ra;
- Một số khoản nợ khó đòi đã đề ra trong kế hoạch vẫn chưa thu hồi được sẽ kéo dài sang năm 2011;
- Chưa thực hiện xong thủ tục chuyển đổi chủ sở hữu các cơ sở nhà, đất Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh và chưa triển khai tốt khâu chuẩn bị đầu tư các dự án cao ốc;
- Chưa tìm kiếm được mặt bằng phù hợp để xây dựng kho trung chuyển hàng hóa tại phía Nam.

5. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành: đã đề ra nhiều giải pháp quản lý hữu hiệu; cải tiến nhiều quy trình theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008; thực hiện quản trị doanh nghiệp đồng bộ trên nhiều mặt, làm tăng tính minh bạch và hiệu quả;
- Các biện pháp kiểm soát: tăng cường công tác quản lý các mặt thông qua công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất; quản lý vốn, quản lý công nợ thông qua chế độ báo cáo và kiểm tra, đánh giá từng khoản nợ và yêu cầu xác nhận nợ định kỳ, nhằm đôn đốc thu nợ đến hạn; kiểm soát chi phí theo từng phương án kinh doanh góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đầu tư, khai thác các cơ sở bất động sản của Công ty như xây dựng cao ốc CEVIMETAL tại 16 Thái Phiên và/hoặc 69 Quang Trung - Thành phố Đà Nẵng và một số cơ sở khác;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại các Tỉnh như Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Định... nhằm mục tiêu tăng 50% lượng thép tiêu thụ trong những năm đến.

7. Kế hoạch năm 2011:

7.1 Kế hoạch kinh doanh:

- Tổng doanh thu: 1.400 tỷ đồng;
- Khối lượng tiêu thụ: 110.000 tấn;
- Lợi nhuận sau thuế: 11,250 tỷ đồng;

- Cổ tức: 11%.

Nhận định tình hình năm 2011:

- Tình hình kinh tế thế giới năm 2011 dự báo từng bước phục hồi, kinh tế của hầu hết các quốc gia đã dần vượt qua suy thoái, nhu cầu tuy chậm nhưng nhìn chung có tăng trưởng. Tuy nhiên, đối với thị trường thép thế giới và trong nước vẫn tiềm ẩn những biến động bất thường và xu hướng cung vượt cầu vẫn đang chi phối; các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép đang chịu sự cạnh tranh rất lớn từ thép thành phẩm được nhập khẩu từ các nước ASEAN và Đông Á với giá rẻ;

- Do tác động của lạm phát, tỷ giá và các yếu tố vĩ mô khác có thể làm giảm sút đầu tư, kéo theo nhu cầu tăng trưởng chậm. Mặt khác, do nguyên liệu nói chung và thép nói riêng đang trong tình trạng thị trường bất ổn, do vậy dễ bị chi phối bởi các yếu tố đầu cơ làm cho giá cả biến động thất thường;

- Các chính sách về tiền tệ, lãi suất, tỷ giá và kinh tế vĩ mô vẫn chưa ổn định, đặc biệt chính sách điều chỉnh biên độ tỷ giá ngoại tệ vào đầu năm 2011 sẽ tác động không thuận lợi đến hoạt động kinh doanh nhập khẩu của Công ty;

- Tình hình giá cả các loại nguyên vật liệu như xăng, dầu, điện... biến động tăng sẽ ảnh hưởng đến giá thép và chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch:

*** Về công tác kinh doanh:**

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới để triển khai nhập khẩu thép nguyên liệu và có kế hoạch mua hàng nhằm tổ chức kinh doanh với hiệu quả cao;

- Tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp, nhất là đối với Công ty Mẹ (TCTy Thép Việt Nam); phối hợp thông tin về giá cả, chính sách bán hàng nhằm khai thác nguồn hàng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ;

- Duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống, đồng thời tăng cường phát triển thêm các khách hàng mới; tích cực mở rộng mối quan hệ với nhiều nhà thầu xây dựng có uy tín và năng lực;

- Đẩy mạnh việc kinh doanh thép phế, phôi thép với mục tiêu phải đạt được khối lượng kế hoạch đã đề ra. Tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh của Công ty, trong đó chú trọng đến thị trường Nam Miền Trung và Tây Nguyên.

*** Về công tác quản lý:**

- Tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý bán nợ và kiểm soát chặt chẽ đối với từng khoản nợ, hạn chế nợ quá hạn, ngăn ngừa nợ khó đòi phát sinh mới; tích cực đôn đốc và thu hồi nợ quá hạn; rà soát và xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi;

- Kiểm soát chặt chẽ giá bán, chi phí (đặc biệt là chi phí vận chuyển, chi phí giao dịch) và quản lý tốt việc sử dụng vốn để hạn chế chi phí lãi vay; triển khai tích cực chương trình mục tiêu tiết kiệm chống lãng phí nhằm tăng hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra các mặt hoạt động của các đơn vị, kiên quyết xử lý các cá nhân/đơn vị vi phạm Quy chế quản lý của Công ty; thực hiện triệt để các quy định của Công ty đã ban hành;

- Rà soát, điều chỉnh Quy chế quản lý hiện hành cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và của thị trường.

*** Về công tác tổ chức và lao động:**

- Tăng cường và củng cố nguồn nhân lực của các đơn vị còn thiếu, yếu; tiếp tục đổi mới chất lượng lao động; xử lý, sắp xếp lại những lao động chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; tiếp tục tuyển dụng thêm lao động có kinh nghiệm, năng lực làm việc ở những vị trí cần thiết để bổ sung khi mạng lưới kinh doanh được mở rộng;

- Tiếp tục triển khai công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

7.2 Kế hoạch đầu tư:

(phụ lục chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2011 kèm theo).

7.3 Kế hoạch lao động - tiền lương:

Thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT Công ty giao.

7.4 Kế hoạch phát hành cổ phiếu:

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 55,44 tỷ đồng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua trong năm 2010. Về nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư, đề nghị ĐHĐCĐ giao HĐQT tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư bất động sản theo kế hoạch năm 2011 đã thông qua. Sau khi có kết quả tư vấn khả thi sẽ trình ĐHĐCĐ phương án phát hành bổ sung nhằm huy động vốn phù hợp với nhu cầu của dự án.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT:

STT	Nội dung	Số dư 31.12.2009	Số dư 31.12.2010
I	Tài sản ngắn hạn	209.554.803.329	378.294.390.696
01	Tiền và các khoản tương đương tiền	15.642.633.817	17.687.169.460
02	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	144.060.000	248.721.934
	- Đầu tư ngắn hạn	144.060.000	248.721.934
03	Các khoản phải thu ngắn hạn	71.600.787.386	95.261.141.778
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	71.600.787.386	-
04	Hàng tồn kho	118.015.503.472	242.092.756.131
	- Hàng tồn kho	123.153.511.940	251.387.055.153
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.138.008.468)	(9.294.299.022)
05	Tài sản ngắn hạn khác	4.151.818.654	23.004.601.393
II	Tài sản dài hạn	55.094.803.946	74.760.065.525
01	Các khoản phải thu dài hạn	1.795.289.560	913.082.262
	- Các khoản phải thu dài hạn	4.695.605.101	432.362.858
	- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2.900.315.541)	(2.719.519.566)
02	Tài sản cố định	43.449.623.791	46.559.895.269
	- Tài sản cố định hữu hình	3.918.966.140	7.191.035.584

	- Tài sản cố định vô hình	39.260.107.380	39.280.711.380
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí XDCB dở dang	270.550.271	88.148.305
03	Bất động sản đầu tư	-	-
04	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.030.000.000	27.030.000.000
05	Tài sản dài hạn khác	819.890.595	3.030.000.000
III	Tổng cộng tài sản	264.649.607.275	453.054.456.221
IV	Nợ phải trả	152.865.645.660	327.802.788.025
01	- Nợ ngắn hạn	151.630.857.706	325.364.358.887
02	- Nợ dài hạn	1.234.787.954	2.438.429.138
V	Vốn chủ sở hữu	111.783.961.615	125.251.668.196
IV	Nợ phải trả	153.387.103.513	327.802.788.025
01	- Nợ ngắn hạn	152.829.588.287	325.364.358.887
02	- Nợ dài hạn	1.357.515.226	2.438.429.138
V	Vốn chủ sở hữu	111.262.503.762	125.251.668.196
01	Vốn chủ sở hữu	111.262.503.762	125.251.668.196
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.708.850.000	98.465.620.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	300.347.000	300.347.000
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(5.043.088)
	- Quỹ đầu tư phát triển	8.978.091.168	9.287.016.180
	- Quỹ dự phòng tài chính	1.303.659.606	1.683.843.191
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.971.555.988	15.519.884.913
VI	Tổng cộng nguồn vốn	264.649.607.275	453.054.456.221

Ghi chú: Nội dung chi tiết các báo cáo của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010 xin Quý cổ đông xem tại website của Công ty: www.cevimetal.com.vn.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài khoá 2010.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Các nhận xét đặc biệt: không có

+ Kiểm toán viên: Lê Khắc Minh – Phó Tổng Giám đốc (Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV);

+ Kiểm toán viên: Trần Thị Nở (Chứng chỉ KTV số 1135/KTV).

2. Kiểm toán nội bộ: Báo cáo của Ban kiểm soát được đính kèm theo tài liệu này và được đăng tải trên website của Công ty.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức, công ty: Không có;
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức, công ty nắm giữ: Tổng Công ty Thép Việt Nam: 82,95%/vốn điều lệ Công ty;
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:
 - + Công ty Cổ phần Thép Miền Trung;
 - + Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Các Công ty này đều hoạt động có lãi, tuy nhiên hiện nay chưa có thông báo chia cổ tức (chỉ có Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh tạm ứng 8% cổ tức năm 2010; khi nhận được thông báo về cổ tức, HĐQT sẽ báo cáo sau).

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty có liên quan:

+ Công ty Cổ phần Thép Miền Trung:

Tên giao dịch: Central Vietnam Steel Corporation

Tên viết tắt: CSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400682519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/12/2008 (thay đổi lần thứ 4 vào ngày 23/02/2011).

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thép xây dựng. Kinh doanh vật liệu xây dựng, phôi thép, thứ liệu, phế liệu kim loại. Gia công, sản xuất các sản phẩm kim loại và phế liệu kim loại. Kinh doanh vận tải hàng hoá.

Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đang góp vốn 24 tỷ đồng (tỷ lệ 30%).

+ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

Tên giao dịch quốc tế: HoChiMinh City Metal Corporation

Tên viết tắt: HMC

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2005.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh kim khí; vật tư thứ, phế liệu; máy móc thiết bị; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; khoáng sản, sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí và tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ kinh doanh (kể cả sản xuất, gia công chế biến, tân trang, phục hồi, sửa chữa máy móc thiết bị cũ); cắt phá dỡ tàu cũ. Khách sạn, du lịch, nhà ở. Gỗ và các sản phẩm về gỗ. Xăng dầu, dầu nhờn, mỡ máy, gas. Dịch vụ cho thuê kho bãi. Cho thuê văn phòng, nhà ở. Hợp tác lao

động quốc tế. Xuất nhập khẩu các mặt hàng: kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; máy móc thiết bị; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; khoáng sản; gỗ và các sản phẩm gỗ; sản phẩm kim loại.

Ngày 28/11/2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép niêm yết số 84/UBCK-GPNY cho phép Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 210 tỷ đồng

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đang sở hữu 17.520 cổ phần, tương ứng với giá trị 248.721.934 đồng

+ Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên:

Tên giao dịch: Thai Nguyen Iron and Steel Corporation

Tên viết tắt: TISCO

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600100155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thép xây dựng, thép hình các loại; Sản xuất gang đúc và gang luyện thép; Sản xuất các loại hợp kim sắt: FeMn, FeSi, FeCr...; Công nghiệp khai thác than, sản xuất than coke và các sản phẩm sau coke; Sản xuất vật liệu chịu lửa, oxy, đất đèn, hồ điện cực; Sửa chữa ô tô, vận chuyển hàng hoá; Khảo sát thiết kế, chế tạo thi công các công trình thiết bị luyện kim; Công ty được phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.

Vốn điều lệ: 1.840 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đang sở hữu 300.000 cổ phần, tương ứng 3,030 tỷ đồng.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức của Công ty: gồm có HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, 06 Phòng/Ban nghiệp vụ và 14 đơn vị trực thuộc, trong đó:

a/ Hội đồng quản trị: có 05 thành viên, gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên, do Đại hội cổ đông bầu.

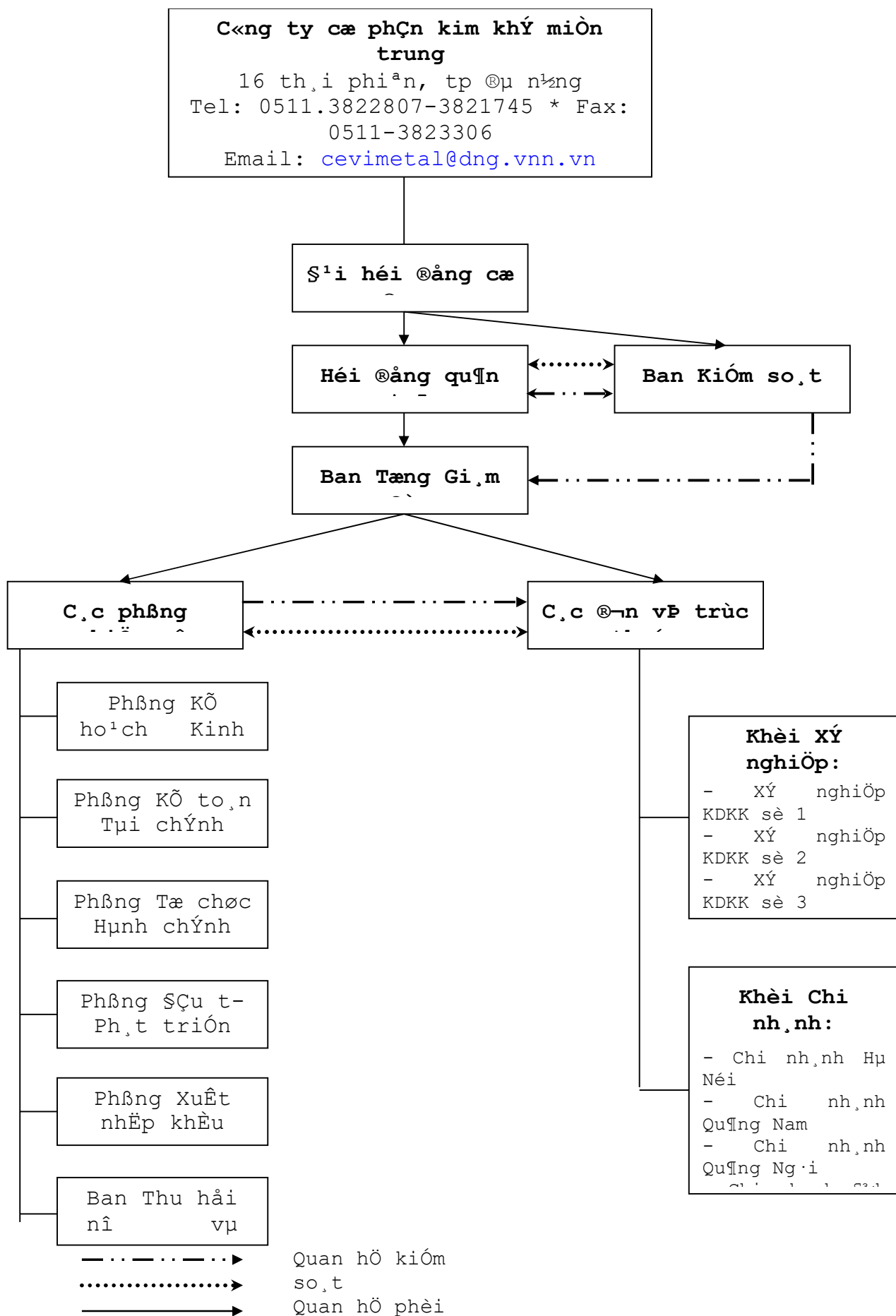
b/ Ban kiểm soát: có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Đại hội cổ đông bầu.

c/ Ban Tổng Giám đốc: có 04 thành viên, Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT) do Đại hội đồng cổ đông bầu, các Phó Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng Giám đốc và theo Điều lệ Công ty.

d/ Các Phòng, Ban nghiệp vụ và các Đơn vị trực thuộc Công ty:

(xem sơ đồ ở trang sau)

s- ầ tặ chợc m'ng l-ii cĩa c«ng ty



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Ông Huỳnh Tấn Quế - Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1955
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Cao cấp
2. Ông Võ Văn Cả - Phó Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1954
 - Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Trung cấp
3. Ông Nguyễn Bá Tòng - Phó Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1954
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Cử nhân
4. Ông Thân Thanh - Phó Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1965
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Trung cấp

- Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không

- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

+ Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc: 1.186.108.731 đồng/năm 2010, chiếm 6,9% tổng quỹ tiền lương, tiền thưởng của toàn Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên đến thời điểm 31/12/2010: 182 người;

+ Chính sách đối với người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước hiện hành như: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

+ Đối với HĐQT: không thay đổi;

+ Đối với Ban Tổng Giám đốc: không thay đổi;

+ Đối với Ban kiểm soát: do Ban kiểm soát cũ đã hết nhiệm kỳ (2006-2010), theo Điều lệ Công ty, tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên ngày 16/4/2010, các cổ đông đã bầu ra Ban kiểm soát mới nhiệm kỳ 2010-2015, gồm các Ông:

- 1/ Ông Ngô Văn Phong – Trưởng Ban kiểm soát (được bầu lại);
- 2/ Ông Lưu Thương – Thành viên;
- 3/ Ông Nguyễn Đình Chinh – Thành viên.

(Ông Nguyễn Viết Hải và Bà Nguyễn Thị Mãi – Thành viên Ban kiểm soát cũ đã hết nhiệm kỳ 2006-2010).

+ Đối với Kế toán trưởng: Ông Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn – Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty, được HĐQT bổ nhiệm Kế toán trưởng kể từ ngày 01/9/2010 (Quyết định số 1658/QĐ-KKMT ngày 24/8/2010 của HĐQT Công ty).

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

1.1 Hội đồng quản trị: gồm có 05 thành viên:

1. Ông Huỳnh Tấn Quế : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Văn Cảnh : Ủy viên HĐQT
3. Ông Võ Văn Cả : Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Bá Tông : Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Võ Hựu : Ủy viên HĐQT - Đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Miền Trung.

- Hoạt động của HĐQT: theo Điều lệ của Công ty và Quy chế của HĐQT;

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Ông Nguyễn Văn Cảnh – Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam (30%) tại Công ty và Ông Võ Hựu – Đại diện phần vốn của Công ty (30%) tại Công ty Cổ phần Thép Miền Trung;

- Hoạt động của Ban kiểm soát: theo Điều lệ của Công ty và Quy chế của Ban kiểm soát (có Báo cáo của Ban kiểm soát kèm theo).

1.2 Ban kiểm soát: gồm có 03 thành viên

1. Ông Ngô Văn Phong : Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Lưu Thương : Thành viên
3. Ông Nguyễn Đình Chinh : Thành viên

1.3 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:

1.3.1 Thù lao và chi phí HĐQT: 316.215.565 đồng, trong đó: thù lao HĐQT: 300.000.000 đồng; chi phí: 16.215.565 đồng.

Trong đó, số thù lao của từng thành viên:

+ Ô. Huỳnh Tấn Quế - Chủ tịch: 75.000.000 đồng;

- + Ô. Võ Văn Cả - Ủy viên: 62.500.000 đồng;
- + Ô. Nguyễn Văn Cảnh - Ủy viên: 62.500.000 đồng;
- + Ô. Nguyễn Bá Tòng - Ủy viên: 50.000.000 đồng;
- + Ô. Võ Hựu - Ủy viên: 50.000.000 đồng.

1.3.2 Thù lao và chi phí BKS: 223.161.320 đồng, trong đó: thù lao và lương chuyên trách: 205.800.000 đồng; chi phí: 17.361.320 đồng.

Trong đó số thù lao của từng thành viên:

- + Ô. Ngô Văn Phong - Trưởng BKS : 18.000.000 đồng;
- + Ô. Lưu Thương - Thành viên : 8.400.000 đồng;
- + Ô. Nguyễn Đình Chinh - Thành viên: 8.400.000 đồng.

* Tiền lương của thành viên chuyên trách (Trưởng Ban kiểm soát): 171.000.000 đồng.

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- + Thành viên HĐQT : 4/5 thành viên;
- + Ban kiểm soát : 1/3 thành viên;
- + Ban Tổng Giám đốc : 4/4 thành viên.

1.4 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

1.4.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Số cổ phần cá nhân	Tỷ lệ 2010
1	Huỳnh Tấn Quế - Chủ tịch HĐQT (Đại diện 40% vốn góp TCTY Thép VN)	66.573	0,67%
2	Võ Văn Cả - Thành viên HĐQT (Đại diện 30% vốn góp TCTY Thép VN)	33.739	0,34%
3	Nguyễn Văn Cảnh - Thành viên HĐQT (Đại diện 30% vốn góp TCTY Thép VN)	3.552	0,04%
4	Nguyễn Bá Tòng - Thành viên HĐQT	68.661	0,69%
5	Võ Hựu - Thành viên HĐQT	126.327	1,28%

1.4.2 Thành viên Ban điều hành không tham gia HĐQT:

TT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ 2010
1	Thân Thanh - Phó Tổng Giám đốc	94.310	0,96%

1.4.3 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ 2010
1	Ngô Văn Phong - Trưởng Ban	8.674	0,08%
2	Lưu Thương - Thành viên	16.911	0,17%
3	Nguyễn Đình Chinh - Thành viên	1.110	0,01%

Ông Ngô Văn Phong là thành viên kiểm soát độc lập.

1.5 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Giao dịch của cổ đông nội bộ: Trong năm có phát sinh giao dịch của cổ đông nội bộ: Ông Võ Văn Cả - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty đã bán 24.000 cổ phiếu vào tháng 02 và tháng 3/2010.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

+ Cổ đông Nhà nước (TCTy Thép Việt Nam): 8.167.424 CP (82,95%);

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước:

+ Tên công ty: Tổng Công ty Thép Việt Nam (VNSTEEL)

+ Địa chỉ: 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất thép và kim loại khác, vật liệu chịu lửa, thiết bị phụ tùng luyện kim và sản phẩm thép sau cán; Khai thác quặng sắt, than mỡ và các nguyên liệu trợ dung cho công nghiệp sản xuất thép;

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh các sản phẩm thép và nguyên nhiên liệu luyện, cán thép; phế liệu kim loại; cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;

- Thiết kế, tư vấn thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu kim loại;

- Kinh doanh, khai thác cảng và dịch vụ giao nhận, kho bãi, nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ở; đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và bất động sản khác;

- Kinh doanh khí ôxy, nitơ, argon (kể cả dạng lỏng); cung cấp, lắp đặt hệ thống thiết bị dẫn khí; Xuất khẩu lao động; Kinh doanh tài chính .

- Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

+ Số lượng/tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong Công ty 8.167.424 CP (chiếm 82,95%);

2.2 Cổ đông sáng lập:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập:

Cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1. Tổng Công ty Thép Việt Nam <u>Địa chỉ:</u> 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội Đại diện phần vốn TCTY: - Huỳnh Tấn Quế (40%) - Võ Văn Cả (30%) - Nguyễn Văn Cảnh (30%)	Phổ thông	8.167.424	81.674.240.000	82,95%
2. Ông Nguyễn Bá Tông <u>Địa chỉ:</u> Lô 44-46 đường 30/4, Hải Châu, TP Đà Nẵng	Phổ thông	68.661	686.610.000	0,69%
3. Ông Võ Hựu <u>Địa chỉ:</u> Lô B32 Phạm Văn Đồng, Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Phổ thông	126.327	1.263.270.000	1,28%

2.3 Cổ đông nước ngoài: 04 cổ đông: 23.324 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,23% cổ phần sở hữu trong Công ty (theo danh sách chốt ngày 11/3/2011).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Tấn Quế